

DANH SÁCH CÔNG KHAI

Kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đợt 2/2026)

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
1	Phạm Hải Yên (Thạch Thị Thiên)	Đất Đò	Đất Đò	13	683	1.434,0	Năm 1989	Đất gia đình sử dụng ổn định năm 1989, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2014 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1989	Không	Phù hợp
2	Hoàng Bá Dũng (Nguyễn Thị Linh)	Minh Xuân	Minh Xuân	82	447	2.356,8	Năm 1999	Đất gia đình sử dụng ổn định từ năm 1999, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2014 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1999	Không	Phù hợp
3	Lê Xuân Khang (Hoàng Thị Hương)	Bắc Xuân	Bắc Xuân	25	134	-56,7	Sử dụng tháng 4/1980	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ tháng 4/1980, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp
4	Nguyễn Trọng Dung (Trần Thị Hương)	Liên Sơn	Liên Sơn	25	34	1.322,3	Năm 1986	Đất gia đình sử dụng ổn định từ năm 1986, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1995 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1986	Không	Phù hợp
5	Nguyễn Đình Tứ (Hoàng Thị Lợi)	Trung Sơn	Trung Sơn	23	231	4.302,6	Năm 1977	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1977, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 18/12/1980 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1977	Không	Phù hợp
6	Nguyễn Tiến Sơn (Nguyễn Thị Phương)	Tây Xuân	Tây Xuân	89	212	2.294,0	Năm 1997	Đất gia đình sử dụng ổn định từ năm 1997, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2000 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1997	Không	Phù hợp
7	Lê Xuân Năm	Nam Sơn	Nam Sơn	25	604	2.752,8	Năm 1990	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1990, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng ổn định từ năm 1990 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1990	Không	Phù hợp

STT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
8	Nguyễn Duy Hoài	Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Thanh Sơn	61	31	1,6	Năm 2012	Đất do ông Nguyễn Duy Hoài nhận chuyển nhượng từ năm 2012, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng ổn định từ năm 2012 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	2012	Không	Phù hợp
9	Nguyễn Thị Thằng	Mỹ Liên	Mỹ Liên	39	612	625,2	Năm 2003	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 2003, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng ổn định từ năm 2013 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	2003	Không	Phù hợp
10	Bùi Thị Áng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	78	536	1.947,0	Năm 1997	Đất do gia đình sử dụng làm nhà ở từ năm 1997, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2002 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	1997	Không	Phù hợp
11	Đặng Thị Thủ	Minh Xuân	Minh Xuân	94	531	1.435,7	Năm 1981	Đất do gia đình sử dụng làm nhà ở từ năm 1981, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1981 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	1981	Không	Phù hợp
12	Nguyễn Tiên Sỹ (Dương Thị Ty)	Trường Xuân	Trường Xuân	104	559	1.234,2	Trước ngày 18/12/1980	Đất do gia đình sử dụng làm nhà ở trước ngày 18/12/1980, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1991 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp
13	Hoàng Xuân Hùng	Trung Sơn	Trung Sơn	23	234	703,8	Trước ngày 18/12/1980	Đất của ông Hoàng Xuân Hùng nhận thừa kế năm 2025, thửa đất làm nhà ở sử dụng trước ngày 18/12/1980, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 18/12/1980 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp
14	Phan Công Din (Phùng Thị Hoàn)	Dại Đông	Dại Đông	11	599	16,0	Năm 1999	Đất do gia đình sử dụng năm 1999, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2014 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	1999	Không	Phù hợp
15	Nguyễn Văn Bích (Nguyễn Thị Mùi)	Vân Lạc	Vân Lạc	32	409	56,2	Năm 1996	Đất do gia đình sử dụng ổn định năm 1996, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1996 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	1996	Không	Phù hợp

1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch	
Nguyễn Đình Phương	Nam Sơn	Nam Sơn	25	558	982,0	Năm 1945	Đất của ông Nguyễn Đình Phương nhận thừa kế năm 2026, thửa đất làm nhà ở sử dụng năm 1945, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 18/12/1980 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	1945	Không	Phù hợp	
Lê Trọng Hải	Bắc Sơn	Bắc Sơn	4	141	2.658,5	Năm 2003	Đất do gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 2003, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2014 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	2003	Không	Phù hợp	
Nguyễn Hồng Thán (Nguyễn Thị Khoảnh)	Nam Xuân	Nam Xuân	140	177	864,4	Năm 1996	Đất do gia đình sử dụng ổn định năm 1996, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1998 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	1996	Không	Phù hợp	
Nguyễn Quang Chung (Phạm Thị Lân)	Đại Đông	Đại Đông	3	338	18,9	Năm 1987	Đất do gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 1987, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1987 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	1987	Không	Phù hợp	
Nguyễn Văn Thường (Nguyễn Thị Lý)	Đông Xuân	Đông Xuân	36	336	1.944,8	Năm 1973	Đất do gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 1973, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1987 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	1973	Không	Phù hợp	
Nguyễn Văn Minh (Phan Thị Oanh)	Hồng Xuân	Hồng Xuân	90	292	1.097,6	Năm 1990	Đất do gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 1990, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1990 cho đến nay. Do bảo quản không tốt nay bị mất GCN	Trồng cây lâu năm	1990	Không	Phù hợp	
Lê Văn Phiến (Nguyễn Thị Hà)	Liên Sơn	Vân Lạc	19	395	24,9	Năm 2007	Đất do UBND xã cấp cho gia đình sử dụng từ năm 2007, phần diện tích tăng là đất ở sử dụng từ năm 2007 cho đến nay.	Đất ở	2007	Không	Phù hợp	
Nguyễn Bá Viên (Hồ Thị Ngân)	Nam Xuân	Nam Xuân	150	227	4.268,2	Năm 2008	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 2008, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2008 cho đến nay.	Trồng cây lâu năm	2008	Không	Phù hợp	

Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (hôn)	Địa chỉ thửa đất (hôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất tăng (giảm) so với GCN (m ²)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13
24	Nguyễn Tiến Quân (Hồ Thị Sơn)	Trương Xuân	Trương Xuân	116	168	973,3	Năm 1997	Đất do gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 1997, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1997 cho đến nay	1997	Không	Phù hợp
25	Đặng Thị Tuyên	Mỹ Liên	Mỹ Liên	31	225	-122,4	Năm 2009	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất từ năm 2009 cho đến nay, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	2009	Không	Phù hợp
26	Đặng Thị Hà	Mỹ Liên	Mỹ Liên	31	222	-1,5	Năm 2011	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất từ năm 2011 cho đến nay, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	2011	Không	Phù hợp
27	Phạm Hữu Thanh (Lê Thị Biên)	Nam Xuân	Nam Xuân	141	52	3.730,5	Năm 1983	Đất do gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 1983, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1983 cho đến nay	1983	Không	Phù hợp
28	Phạm Hữu Vũ (Phạm Thị Tâm)	Nam Xuân	Nam Xuân	150	232	2.884,9	Năm 2000	Đất do gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 2000, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2009 cho đến nay	2000	Không	Phù hợp
29	Đặng Đình Cẩm (Nguyễn Thị Huệ)	Đại Đông	Đại Đông	3	300	-444,9	Năm 2008	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 2008 cho đến nay, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm	2008	Không	Phù hợp
30	Đặng Diệp (Từ Thị Hủy)	Trương Xuân	Trương Xuân	92	600	673,6	Năm 2011	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất từ năm 2011, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2011 cho đến nay	2011	Không	Phù hợp
31	Phạm Thị Liên Hương	Thanh Sơn	Thanh Sơn	61	618	51,7	Năm 2010	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất năm 2010, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2010 cho đến nay	2010	Không	Phù hợp

